

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 31/2023/DSST

Ngày 09 tháng 9 năm 2023

“V/v Tranh chấp di sản thừa kế”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi và ông Đinh Ng Phú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Th Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Q4 định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST - DS ngày 30-3-2023; Q4 định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-DS ngày 28-4-2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 33/TB-TA ngày 26-5-2023; Thông báo hoãn phiên tòa số 36/TB-TA ngày 23-6-2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/TB-TA ngày 21-7-2023; Q4 định hoãn phiên tòa số 64/QĐST-DS ngày 11-8-2023; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Cụ Hồ Thị Tr, sinh năm 1928; ĐKKHKT và trú tại: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1977; ĐKKHKT: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Th H- Luật sư Văn phòng luật sư Bảo Công; địa chỉ: Số A, Khu 1, Phường Thạch Khê, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1958; ĐKKHKT và trú tại: thôn N, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

2. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1960; ĐKKHKT và trú tại: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q1n:

1. Ông Hồ Văn Q1, sinh năm 1946; chị Hồ Thị Th, sinh năm 1970; Hồ Văn Q2, sinh năm 1981, đều trú tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Hồ Thị Y, sinh năm 1976, trú tại: tổ M, cụm 1, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Anh Hồ Văn Ch, sinh năm

1978, trú tại: số B, ngõ 169, đường Nguyễn Thượng Mẫn, khu 3, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương.

2. Ông Vũ Văn D, sinh năm 1956, ĐKHKT và trú tại: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1963, ĐKHKT và trú tại: thôn Tăng Hạ, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

4. Bà Tăng Thị L, sinh năm 1971, chị Vũ Thu Th, sinh năm 1998 và anh Vũ Tuấn Đ, sinh năm 2005, đều trú tại: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương. Chị Vũ Thị V sinh năm 1992, trú tại: thôn Ph, xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật của anh Đ là bà Tăng Thị L; chị Th, chị V, anh Đ ủy quyền cho bà L tham gia giải quyết vụ án.

5. Bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1968, ĐKHKT và trú tại: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

6. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1968, ĐKHKT và trú tại: thôn Th, xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

7. Ông Tăng Văn Q3 sinh năm 1970; anh Tăng Văn H, sinh năm 1992, đều trú tại: thôn B, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương. Chị Tăng Thị Th1, sinh năm 1997, trú tại: thôn Ng, xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

8. Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1977, ĐKHKT: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Q1, bà Ng, ông D, bà Ch, bà Th, ông Q3, anh Hoàng, anh Chính, chị Yến, anh Q2, chị Th1, chị T là ông Vũ Văn Q, sinh năm 1977; ĐKHKT: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; ông Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Hồ Thị Tr và cụ ông Vũ Văn H, sinh năm 1920, chết ngày 19/07/2008, sinh được 10 người con: bà Vũ Thị Th3, sinh năm 1950, đã chết vào tháng 5 năm 2019; ông Vũ Văn D, sinh năm 1956; ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1958; bà Vũ Thị B, sinh năm 1960; bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1963; ông Vũ Văn Q4, sinh năm 1966, đã chết năm 2015; bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1968; bà Vũ Thị T, sinh năm 1968; bà Vũ Thị Th2, sinh năm 1973, chết năm 2014; ông Vũ Văn Q, sinh năm 1977. Ngoài ra, 2 cụ không có con nuôi, con riêng, bố nuôi, mẹ nuôi nào khác. Năm 1994, cụ Tr và ông H được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0081715, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 526/QSĐĐ/GX-TL do UBND tỉnh Hải Hưng cấp ngày 13/07/1994, xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được sử dụng hợp pháp của UBND huyện Gia Lộc ngày 17/01/2005 đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², tên cụ Vũ Văn H. Trên đất nhà xây dựng đã cũ

từ năm 1985 và công trình phụ. Cụ H chết không để lại di chúc. Sau khi ông H chết, cụ Tr có họp bàn công việc gia đình với các con về việc muốn sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất nói trên vào mục đích riêng, $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là di sản để lại theo pháp luật của ông H. Tuy nhiên, trong số 10 người con chỉ có 08 người đồng ý. Còn lại ông Vũ Văn Ch và bà Vũ Thị B không đồng ý. Nên cụ Tr làm đơn khởi kiện ông Vũ Văn Ch và bà Vũ Thị B ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương với yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án xác nhận phần diện tích đất là tài sản riêng của cụ trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ Vũ Văn H là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², thực tế còn 516,6m² và tài sản trên đất, địa chỉ tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn H theo pháp luật, cụ xin nhận bằng hiện vật

Trong quá trình giải Q4 vụ án, bà Tăng Thị L là vợ ông Vũ Văn Q4 (đã chết) cũng không đồng ý và hợp tác làm việc tại tòa án. Năm 1991, vợ chồng cụ đã cho ông Q4, bà L 200m² đất ở tiếp giáp với thửa đất của vợ chồng cụ và ông Q4, bà L được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên không cắm mốc giới đất nhưng vị trí tiếp giáp đã thể hiện trên bản đồ đo vẽ năm 1992, khi xem xét thẩm định cụ đã chỉ đo toàn bộ thửa đất của gia đình trong đó có diện tích đất của ông Q4, bà L. Thửa đất của bà L diện tích 200m² đất ở theo bản đồ đo vẽ năm 1992, phần diện tích còn lại của cụ và cụ H, nay thực tế còn 516,6m², các hộ gia đình liền kề không lấn chiếm, tranh chấp. Phần di sản thừa kế được hưởng của bà L và 03 con để lại cho cụ, cụ không nhận, đề nghị chia cho bà L và 3 con. Thửa số 18b diện tích 200m² của ông Q4, bà L đã được cấp giấy CNQSD đất ngày 13/7/1994, hiện nay thửa đất bị bao bọc bởi các thửa đất liền kề không có lối đi vào, cụ tự nguyện trích lấy từ phần diện tích đất được hưởng làm đường ngõ đi vào thửa đất 18b và là đường ngõ đi chung diện tích cụ thể sẽ đo đạc. Đề nghị Tòa án giải Q4.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Vũ Văn Ch trình bày: Bố mẹ ông là cụ Vũ Văn H và cụ Hồ Thị Tr, hai cụ sinh được 10 người con đúng như cụ Tr trình bày. Bố mẹ ông không có con riêng, không có con nuôi. Ngày 19/07/2008, cụ Vũ Văn H chết, không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản. Bố mẹ ông có thửa đất tại xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương. Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết được cụ Tr đề nghị xác định tài sản của cụ Tr trong khối tài sản chung với cụ H và chia di sản của cụ H theo pháp luật. Ông không có ý kiến gì, đề nghị tòa án giải Q4 theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Vũ Thị B trình bày: Bố mẹ bà là cụ Vũ Văn H và cụ Hồ Thị Tr, hai cụ sinh được 10 người con. Năm 1979, bà đi lấy chồng, bố mẹ không nhận bà, đã từ bà nhưng không có văn bản từ bà. Ngày 19/07/2008, cụ Vũ Văn H chết không để lại di chúc. Bố mẹ bà có thửa đất tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương. Nay cụ Tr đề nghị xác định tài sản của cụ Tr trong khối tài sản chung với cụ H và chia di sản của cụ H theo pháp luật cho các

hàng thừa kế. Nay được Tòa án thông báo bà không có ý kiến gì, bà đề nghị giải Q4 theo đơn của cụ Tr và giải Q4 theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q1n: Ông Hồ Văn Q1, ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị Ng, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Th, ông Tăng Văn Quát, ông Vũ Văn Q trình bày: Bố mẹ các ông, bà là cụ Vũ Văn H và cụ Hồ Thị Tr, hai cụ sinh được 10 người con đúng như cụ Tr trình bày. 2 cụ không có con riêng, không có con nuôi. Ngày 19/07/2008, cụ Vũ Văn H chết, không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản. 2 cụ có thừa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tên cụ Vũ Văn H đã được UBND huyện Gia Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay cụ Tr khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ Vũ Văn H là ½ diện tích đất thuộc thừa đất số 18, tờ bản đồ số 3, hưởng bằng hiện vật và chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn H theo pháp luật, các ông bà nhất trí. Phần thừa kế được hưởng từ di sản của cụ H nhất trí cho cụ Tr được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q1n: Anh Hoàng, anh Chính, chị Yên, anh Q1ng, chị Thom, chị Th ủy quyền cho ông Vũ Văn Q, sinh năm 1977; ĐKKHKT: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia giải Q4 vụ án tại tòa cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q1n bà Tăng Thị L và bà L nhận ủy quyền của các con, tại bản tự khai, biên bản xem xét thẩm định bà L trình bày: Cụ Vũ Văn H và cụ Hồ Thị Tr, sinh được 10 người con trong đó có cH bà là ông Vũ Văn Q4, sinh năm 1966, đã chết năm 2015. Ngày 19/07/2008, cụ Vũ Văn H chết, không để lại di chúc, 2 cụ có thừa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m² tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tên cụ Vũ Văn H đã được UBND huyện Gia Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1991 - 1992 cụ H, cụ Tr cho bà và ông Q4 đất ở đã được cấp giấy CNQSD đất, nay đã bị mất và gia đình bà ở cùng với 2 cụ đến năm 2004 ra ở riêng, có làm 1 sổ công trình trên đất. Nay cụ Tr khởi kiện chia di sản thừa kế, bà nhất trí. Phần thừa kế được hưởng từ di sản của cụ H để cho cụ Tr được sử dụng.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hồ Thị Tr và chấp nhận sự tự nguyện của cụ Tr về trích diện tích đất được hưởng làm đường đi vào thừa đất của gia đình bà L và là đường ngõ đi chung cho hộ gia đình cụ và bà Tăng Thị L là 48,9m2.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải Q4 vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố

tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự,

- Về nội dung giải Q4 vụ án, đề nghị:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 26; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị Q4 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hồ Thị Tr.

Xác định tài sản chung hợp nhất của cụ Hồ Thị Tr và cụ Vũ Văn H là 516,6m² bao gồm 300m² đất ở, 216,6m² đất vườn và tài sản gắn liền với đất tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, tổng giá trị là 1.864.932.000đồng.

Xác định 1/2 giá trị tài sản của cụ Hồ Thị Tr là 932.466.000đồng tương đương với 150m² đất ở; 108,3m² đất vườn hợp pháp và tài sản trên đất.

Xác định di sản của cụ H là 1/2 giá trị tài sản chung là 932.466.000đồng tương đương với 150m² đất ở; 108,3m² đất vườn hợp pháp và tài sản trên đất. Chia đều cho 11 xuất thừa kế, mỗi suất thừa kế chia theo pháp luật được hưởng 84.770.000đồng tương đương với 13,64m² đất ở và 9,84m² đất vườn, giá trị tài sản trên đất.

Xác định phần tài sản, công sức của gia đình bà Tăng Thị L là 5.703.000đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của 7 xuất thừa kế - con, cháu của cụ Hồ Thị Tr để lại kỷ phần được hưởng của cụ H cho cụ Tr sử dụng.

Cụ Hồ Thị Tr phải trả tiền kỷ phần được hưởng thừa kế tài sản cho ông Vũ Văn Ch, bà Vũ Thị B; mỗi người là 84.770.000đồng

Cụ Hồ Thị Tr phải trả tiền kỷ phần được hưởng thừa kế tài sản và tiền tài sản, công sức cho gia đình bà Tăng Thị L số tiền là 90.473.000đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Hồ Thị Tr trích diện tích đất là 48,9m² làm đường ngõ đi chung, sử dụng chung giữa hộ cụ Hồ Thị Tr và hộ bà Tăng Thị L.

Cụ Hồ Thị Tr được quyền sở hữu là diện tích 467,7m² bao gồm 300m² đất ở, 167,7m² đất vườn và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, trị giá là 1.797.285.000đồng tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

2. Về án phí: Cụ Hồ Thị Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác được miễn và phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

3. Về tiền chi phí tố tụng: Không xem xét, giải Q4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Vũ Văn Ch, bà Vũ Thị B; Cư trú, sinh sống tại xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quá trình giải Q4 vụ án ông bà có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thông báo nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác từ khi thụ lý vụ án đến khi ra Q4 định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã gửi Q1 bưu điện và UBND xã Gia Xuyên tổng đạt ông Ch, bà B đều từ chối không nhận và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng tòa án niêm yết theo quy định tại Điều 173 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Q4 định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Q4 định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Tại phiên tòa, ông Ch, bà B đều vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q1n bà L, chị Thủy, chị Vân, anh Đạt vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX Q4 định xét xử vụ án vắng mặt ông Vũ Văn Ch, bà Vũ Thị B, bà Tăng thị L, chị Vũ Thị Thủy, chị Vũ Thị Vân, anh Vũ Tuấn Đạt.

Về Q1n hệ pháp luật tranh chấp : Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải Q4 của Tòa án.

[2] Về nội dung tranh chấp vụ án :

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ giấy chứng tử của cụ Vũ Văn H, xác định cụ H chết ngày 19/07/2008 nên thời điểm mở thừa kế chia di sản thừa kế của cụ H là ngày 19/07/2008.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Hồ Thị Tr và cụ Vũ Văn H chung sống với nhau từ năm 1949, theo Nghị Q4 số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình công nhận cụ Hồ Thị Tr và cụ Vũ Văn H là vợ chồng. Ngày 06-2-2020 cụ Hồ Thị Tr khởi kiện chia di sản thừa kế phần tài sản của cụ H và tài sản chung vợ chồng nên theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn H còn trong thời hiệu khởi kiện.

Cụ Hồ Thị Tr và các con, cháu đều thừa nhận cụ Vũ Văn H chết nhưng không để lại di chúc, do vậy xác định phần di sản của cụ Vũ Văn H để lại được phân chia theo pháp luật là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Về diện và hàng thừa kế: Tài liệu có trong hồ sơ và lời khai thống nhất của các đương sự thì cụ bà Hồ Thị Tr và cụ ông Vũ Văn H có 10 người con, không có con riêng, không có con nuôi. Do vậy, xác định những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật ở hàng thừa kế thứ nhất 11 người gồm cụ Hồ Thị Tr, bà Vũ Thị Thường, sinh năm 1950, (bà Thường chết năm 2019 có cH là ông Hồ Văn Q1 và 04 người con là chị Hồ Thị Th, chị Hồ Thị Yên, anh Hồ Văn Chính, anh Hồ Văn Q2); ông Vũ Văn D, ông Vũ Văn Ch, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị Ng, ông Vũ Văn Q4, sinh năm 1966 (ông Q4 đã chết năm 2015 có vợ

là bà Tăng Thị L và 03 người con là chị Vũ Thị Vân, chị Vũ Thị Thủy, anh Vũ Tuấn Đạt), bà Vũ Thị Ch; bà Vũ Thị T; bà Vũ Thị Thêm, sinh năm 1973 (bà Thêm chết năm 2014 có cH là ông Tăng Văn Quát và 02 người con là anh Tăng Văn Hoàng, chị Tăng Thị Thơm) và ông Vũ Văn Q theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự. Như vậy, phần di sản của cụ H được chia theo pháp luật chia đều cho 11 xuất.

[2.4] Về di sản thừa kế: Theo sổ mục kê thừa số 18 diện tích 740m² mang tên cụ Vũ Văn H; hồ sơ đo vẽ năm 1991 tờ bản đồ số 3 để cấp giấy CNQSD đất thì thừa số 18a diện tích 522m² loại đất thổ cư tên cụ H và thừa số 18b diện tích 200m² loại đất thổ cư tên ông Vũ Văn Q4. Và năm 1994, 2 thửa đất này được UBND tỉnh Hải Hưng công nhận cấp quyền sử dụng đất. Nên xác định khi còn sống cụ H và cụ Tr đã tạo lập được khối tài sản nhà đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tên cụ Vũ Văn H đã được UBND tỉnh Hải Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1994 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14) và được xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được sử dụng hợp pháp của UBND huyện Gia Lộc ngày 17/01/2005, trên đất có 01 nhà xây dựng từ năm 1985 và công trình phụ. Theo hiện trạng thực tế đo đạc diện tích đất thực tại là 516,6m². Trong quá trình giải Q4 vụ án các đương sự cũng thừa nhận về diện tích đất đang sử dụng không có tranh chấp với các hộ xung Q1nh, các hộ giáp gianh xác định không có tranh chấp với hộ cụ Tr, sử dụng đúng ranh giới, mốc giới thửa đất. Theo ý kiến của địa phương là cơ Q1n chuyên môn về quản lý đất đai xác định là sai số do đo đạc trong các lần đo đạc quản lý đất đai, gia đình cụ Tr sử dụng đúng ranh giới, mốc giới thửa đất và xác định tài sản của cụ H, cụ Tr theo hiện trạng thực tại là 516,6m² thì 300m² là đất ở và 216,6m² là đất vườn thừa hợp pháp. Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự xác định giá đất ở, đất vườn như sau:

Về đất ở: 300m² đất ở x 5.000.000đ/m² = 1.500.000.000đồng;

Về đất vườn: 216,6m² đất vườn x 1.500.000đ/m² = 324.900.000đồng;

Trị giá về đất là 1.824.900.000đồng.

Các tài sản trên đất là tài sản chung của cụ H, cụ Tr gồm: 01 nhà ở, cấp IV, xây dựng năm 1985, diện tích 59,3m², giá trị là: 39.683.560đồng + Sân trệt trước nhà, giá trị là: 348.106đồng = 40.031.666đ (làm tròn 40.032.000đ).

Nên tài sản chung của cụ H và cụ Tr tổng trị giá là: 1.824.900.000đồng + 40.032.000đ = 1.864.932.000đồng.

Trong quá trình chung sống cùng 2 cụ tại thửa đất này, ông Q4, bà L đã xây tường bao trước nhà trị giá 147.268đ và tường bao cạnh nhà ông Lộc trị giá 597.578đ, 01 giếng nước trị giá 618.175đ, 01 bể nước 3.336.300đ, toàn bộ công gồm cánh cổng, mái cổng, cột cổng trị giá: 361.000đ+313.763đ+329.117đ =

1.003.880đ. Tài sản chung, công sức của ông Q4, bà L xây dựng trên đất của 2 cụ trị giá là 5.703.201đ (làm tròn 5.703.000đồng).

[2.5] Xét yêu cầu của cụ Hồ Thị Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ diện tích đất hiện tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14) diện tích thực tại là 516,6m² đất ở và đất vườn và tài sản trên đất là tài sản chung hợp nhất của cụ Vũ Văn H và cụ Hồ Thị Tr. Phần tài sản của cụ Tr là 150m² đất ở; 108,3m² đất vườn và giá trị tài sản trên đất trị giá là 1.864.932.000đồng : 2 = 932.466.000đ của cụ Tr tiếp tục được sử dụng.

Cụ H đã chết nên di sản thừa kế của cụ H để lại là $\frac{1}{2}$ tài sản là 150m² đất ở; 108,3m² đất vườn và giá trị tài sản trên đất trị giá là 1.864.932.000đồng : 2 = 932.466.000đồng.

Phần di sản của cụ H để lại phân chia cho 11 xuất thừa kế theo pháp luật, mỗi xuất thừa kế được hưởng trị giá thành tiền là 932.466.000đồng : 11 là 84.770.000đ (làm tròn) tương đương với 13,64m² đất ở và 9,84m² đất vườn, giá trị tài sản trên đất.

Trong quá trình giải Q4 vụ án, theo nguyện vọng của những người thừa kế gồm 7 xuất: Các con, cháu: gia đình ông Hồ Văn Q1; ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị Ng, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Th, gia đình ông Tăng Văn Quát, ông Vũ Văn Q, đều tự nguyện cho cụ Tr ký phần được hưởng di sản tài sản của cụ H. Đối với xuất thừa kế của ông Q4 chia đều cho bà L, chị Vân, chị Thủy, anh Đạt. Nên cần chấp nhận sự tự nguyện của 7 xuất thừa kế để lại di sản thừa kế của cụ H cho cụ Tr được sử dụng.

Ông Ch, bà B mỗi người được hưởng là 84.770.000đ tương đương với 13,64m² đất ở và 9,84m² đất vườn, giá trị tài sản trên đất do phần diện tích nhỏ không phân chia được, bị đơn có chỗ ở ổn định tại địa phương nên giao cho cụ Tr sử dụng đất, giá trị tài sản và có trách nhiệm trả cho ông Ch, bà B mỗi người là 84.770.000đồng.

Bà L, chị V, chị Th, anh Đ được hưởng 84.770.000đồng tương đương với 13,64m² đất ở và 9,84m² đất vườn, giá trị tài sản trên đất và tiền công sức, tài sản trên đất: 5.703.000đồng, do phần diện tích nhỏ không cấp được giấy CNQSD đất, đã có chỗ ở ổn định tại địa phương nên giao cho cụ Tr sử dụng đất, giá trị tài sản thừa kế, phần công sức tài sản của gia đình bà L và có trách nhiệm trả cho bà L, chị V, chị Th, anh Đ là 90.473.000đ, mỗi người được hưởng là 22.618.250đồng

Giao cho cụ Hồ Thị Tr sử dụng toàn bộ diện tích đất hiện tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14) diện tích thực tại là 516,6m² đất ở và đất vườn và tài sản trên đất gồm phần tài sản của cụ Tr và di sản thừa kế của cụ H để lại và giá trị tài sản của ông Q4, bà L trên đất: 5.703.000đồng, tổng là 1.864.932.000đồng + 5.703.000đ = 1.870.635.000đồng.

[2.6] Đối với thửa đất số 18b tờ bản đồ số 3, diện tích 200m² là tài sản của ông Vũ Văn Q4, bà Tăng Thị L được 2 cụ H, cụ Tr cho vào năm 1992 tiếp

giáp thửa đất của 2 cụ bị bao bọc bởi các hộ liền kề không có lối đi vào thửa đất; theo ý kiến của đương sự và xác minh tại địa phương phải mở đường ngõ đi vào thửa đất này, ý kiến của cụ Tr, ông Q người đại diện theo ủy quyền của cụ Tr: trích từ diện tích đất của cụ Tr được hưởng mở đường ngõ đi và là đường ngõ đi chung đo đạc diện tích là 48,9m² đất vườn trị giá 73.350.000đ nên cần chấp nhận sự tự nguyện này diện tích 48,9m² là đường ngõ đi chung của 2 hộ cụ Tr và bà L.

[2.7] Tài sản cụ Hồ Thị Tr được quyền sở hữu là 467,7m² đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14) tại thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương trị giá là 1.797.285.000đồng.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q4 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ Hồ Thị Tr, ông Vũ Văn Ch, bà Vũ Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm

Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tương ứng với phần tài sản được hưởng.

[4] Về tiền chi phí tố tụng: Đối với tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chi phí không yêu cầu giải Q4 nên Tòa án không xem xét, giải Q4.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 26; Điều 147, Điều 173; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị Q4 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hồ Thị Tr.

1.1. Xác định tài sản chung hợp nhất của cụ Hồ Thị Tr và cụ Vũ Văn H bao gồm diện tích thực tế là 516,6m² bao gồm 300m² đất ở, 216,6m² đất vườn hợp pháp và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, tổng giá trị là 1.864.932.000đồng.

1.2. Xác định 1/2 giá trị tài sản của cụ Hồ Thị Tr là 932.466.000đồng tương đương với 150m² đất ở; 108,3m² đất vườn hợp pháp và tài sản trên đất.

1.3 Di sản của cụ H là 1/2 giá trị tài sản chung gồm 150m² đất ở; 108,3m² đất vườn hợp pháp và tài sản trên đất, trị giá là 932.466.000đồng. Chia đều cho 11

xuất thừa kế, mỗi suất thừa kế chia theo pháp luật được hưởng 84.770.000đồng tương đương với 13,64m² đất ở và 9,84m² đất vườn, giá trị tài sản trên đất.

2. Xác định phần tài sản, công sức của bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu Thủy, chị Vũ Thị Vân và anh Vũ Tuấn Đạt là 5.703.000đồng.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của 7 suất thừa kế gồm ông Hồ Văn Q1 và các con là chị Hồ Thị Th, chị Hồ Thị Y, anh Hồ Văn Ch, anh Hồ Văn Q2; ông Vũ Văn D; bà Vũ Thị Ng; bà Vũ Thị Ch; bà Vũ Thị T; ông Tăng Văn Q3 và các con là anh Tăng Văn H, chị Tăng Thị T và ông Vũ Văn Q để lại toàn bộ kỹ phần được hưởng di sản thừa kế của cụ H cho cụ Hồ Thị Tr được hưởng.

4. Cụ Hồ Thị Tr phải trả cho ông Vũ Văn Ch, bà Vũ Thị B kỹ phần tài sản được hưởng thừa kế; mỗi người là 84.770.000đồng

5. Cụ Hồ Thị Tr phải trả cho bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu Th, chị Vũ Thị V, anh Vũ Tuấn Đ kỹ phần tài sản được hưởng thừa kế và số tiền về tài sản, công sức trên đất, mỗi người là 22.618.250đồng

6. Giao cho cụ Hồ Thị Tr được sử dụng 516,6m² đất gồm 300m² đất ở, 216,6m² đất vườn hợp pháp và sở hữu các tài sản trên đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có trị giá là 1.870.635.000đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Hồ Thị Tr áng trịch diện tích là 48,9m² đất vườn hợp pháp trị giá 73.350.000đ từ diện tích đất được hưởng là 516,6m² tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14) để làm đường ngõ đi chung, sử dụng chung giữa hộ cụ Hồ Thị Tr và hộ bà Tăng Thị L (ký hiệu S2 giới hạn bởi EFGKMN0E)

7. Phần tài sản của cụ Hồ Thị Tr được quyền sở hữu là diện tích 467,7m² bao gồm 300m² đất ở, 167,7m² đất vườn hợp pháp trị giá 1.751.550.000đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp IV; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông Lộc, 01 giếng nước; toàn bộ công trị giá 45.735.000đồng, tổng cộng là 1.797.285.000đồng tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (ký hiệu là S1 giới hạn bởi ABCDEFGHIA)

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí: Cụ Hồ Thị Tr, ông Vũ Văn Ch và bà Vũ Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu Th, chị Vũ Thị V, anh Vũ Tuấn Đ, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.130.912,5đ (làm tròn 1.131.000đồng).

9. Về tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản: Anh Vũ Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chi phí không yêu cầu giải Q4 nên Tòa án không xem xét, giải Q4.

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, Q4 định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương,
- Chi cục THADS TP Hải Dương,
- Các đương sự,
- Người tham gia tố tụng khác,
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu